

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2022/DS-ST**

Ngày: 20-6-2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị L;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 324/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh L; nơi cư trú: số 27C đường T, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Cao T; nơi cư trú: số 135 đường N, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Theo văn bản uỷ quyền 07/8/2021). (Có mặt)*

-Bị đơn: Ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; nơi cư trú: số 89 đường H, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Hồ Văn T1: bà Nguyễn Thị T2, nơi cư trú: số 89 đường H, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Theo văn bản uỷ quyền ngày 17/01/2022). (bà T2 vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Cao T, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh L trình bày thì: Ngày 12/6/2021, bà Hồ Thị Thanh L có cho vợ chồng ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 mượn số tiền 1.650.000.000 *(một tỷ sáu trăm năm mươi triệu)* đồng. Khi cho mượn ông T1, bà T2 có viết giấy mượn tiền và có ký xác nhận, thời hạn cho

mượn đến ngày 10/7/2021 ông T1, bà T2 sẽ trả lại số tiền trên cho bà L nhưng hết thời hạn trên, ông T1, bà T2 không trả số tiền trên cho bà L. Bà L đã liên hệ yêu cầu vợ chồng ông T1, bà T2 trả số tiền trên nhưng đến nay ông T1, bà T2 vẫn không chịu trả cho bà L nên ngày 26/7/2021 bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T1, bà T2 trả cho bà L số tiền nợ gốc là 1.650.000.000 (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Sau khi bà L khởi kiện thì gia đình ông T1, bà T2 có chuyển trả cho bà L qua tài khoản Ngân hàng số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T1, bà T2 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc còn lại 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn T1 trình bày thì: Vào ngày 01/3/2021, vợ chồng bà có vay của bà Hồ Thị Thanh L số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng, với lãi suất là 5%/tháng, đến ngày 10/3/2021 thì vợ chồng bà vay tiếp của bà L số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, với lãi suất là 5%/tháng. Tổng cộng vợ chồng bà vay số tiền gốc của bà L là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và đã trả cho bà L 02 tháng tiền lãi (tháng 4 và 5/2021) với số tiền là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Đến ngày 12/6/2021, chồng bà là ông T1 đến nhà bà L để khát nợ thì vợ chồng bà L viết sẵn 01 giấy mượn tiền với nội dung mượn số tiền là 1.650.000.000 đồng (do ông M là chồng bà L viết sẵn) đưa cho chồng bà T2 mang về yêu cầu bà T2 viết giống nội dung giấy này. Do lúc đó gia đình bà hỗn loạn và bị gia đình bà L đe dọa nên vợ chồng bà đã viết lại giấy mượn tiền như trên nhưng thực tế số tiền 1.650.000.000 đồng theo giấy mượn tiền này bao gồm số tiền 1.500.000.000 đồng tiền gốc nói trên và 02 tháng tiền lãi của tháng 6 và tháng 7/2021 là 150.000.000 đồng. Đến ngày 25/7/2021, vợ chồng bà đã nhờ chị gái mang số tiền 300.000.000 đồng đến trả cho bà L nhưng bà L không nhận mà đuổi về và hăm dọa đánh, đốt nhà của vợ chồng bà nên ngày 26/7/2021, vợ chồng bà có chuyển trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng và có hứa với bà L sẽ tiếp tục trả số tiền còn lại cho bà L nhưng do tình hình dịch bệnh, buôn bán gặp khó khăn nên vợ chồng bà chưa trả được. Nay vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc còn lại là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T1, bà T2 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc còn lại 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi. Đại diện nguyên đơn xác định số tiền 1.650.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/6/2021 là số tiền nợ gốc không bao gồm tiền lãi như bà T2 trình bày và khẳng định chồng bà L tên là Trần Trung V không phải tên M như bà T2 trình bày và cung cấp cho Tòa án bản sao Giấy đăng ký kết hôn của bà Hồ Thị Thanh L và ông Trần Trung V nên Giấy mượn tiền mà bà T2 cho rằng chồng bà L viết sẵn thì phía nguyên đơn không biết.

Toà án cũng đã tiến hành triệu tập bà Hồ Thị Thanh L đến phiên tòa để đối chất với bị đơn bà Nguyễn Thị T2, tuy nhiên bà L và bà T2 đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T2, tuy nhiên bà T2 vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thể hiện: Ngày 12/6/2021, bà Hồ Thị Thanh L có cho vợ chồng ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 mượn số tiền 1.650.000.000 (*một tỷ sáu trăm năm mươi triệu*) đồng theo giấy mượn tiền viết tay và có chữ ký xác nhận của ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2, theo giấy mượn tiền này thì thời hạn cho mượn tiền đến ngày 10/7/2021 nhưng hết thời hạn trên, ông T1, bà T2 không trả nên ngày 26/7/2021 bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T1, bà T2 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc là 1.650.000.000 (*một tỷ sáu trăm năm mươi triệu*) đồng. Sau khi bà L khởi kiện thì gia đình bà T2, ông T1 có chuyển trả cho bà L qua tài khoản Ngân hàng số tiền 300.000.000 (*ba trăm triệu*) đồng. Nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T1, bà T2 có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc còn lại 1.350.000.000 (*một tỷ ba trăm năm mươi triệu*) đồng, không yêu cầu trả lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 cũng thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà L (còn gọi là Ty) 02 lần tiền vào ngày 01/3/2021 số tiền 700.000.000 đồng và ngày 10/3/2021 số tiền 800.000.000 đồng, với lãi suất đều là 5%/tháng và đã trả lãi 02 tháng là 150.000.000 đồng. Đến ngày 12/6/2021, ông T1 đến nhà bà L để khát nợ thì bà L và chồng bà L có viết sẵn nội dung giấy mượn tiền (do ông M là chồng bà L viết sẵn) với số tiền mượn là 1.650.000.000 đồng đưa cho ông T1 mang về yêu cầu bà T2 viết giống nội dung giấy này nhưng thực tế tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng của 02 lần vay nêu trên và 150.000.000 đồng là tiền lãi của tháng 6 và 7/2021. Đến ngày 26/7/2021, vợ chồng bà có chuyển trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng qua tài khoản nên vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc còn lại là 1.200.000.000 (*một tỷ hai trăm triệu*) đồng.

Theo tài liệu chứng cứ bị đơn bà T2 cung cấp là 01 giấy viết tay được viết vào mặt sau của tờ lịch thể hiện nội dung “*ngày 12/6/2021. Tổng số tiền 1.650.000 hẹn đến ngày 10/7/2021 cam kết: Trường hợp bất khả kháng ngân hàng đang xử lý tài sản đang thế chấp là c/nhà thì ông bà là người thụ hưởng thứ hai sau ngân hàng. 0976456601 M*” theo bị đơn bà T2 trình bày giấy này do vợ chồng bà L đưa cho ông T1 (chồng bà T2) mang về để bà T2 viết lại giấy mượn tiền ngày 12/6/2021 do bị gia đình bà L đe dọa nhưng phía nguyên đơn cũng không thừa nhận. Xét thấy theo Giấy mượn tiền ngày 12/6/2021 do bà T2 viết có nội dung: “*Hôm nay 12/6/2021 tôi tên Hồ Văn T1, Nguyễn Thị T2.... có mượn của chị Hồ Thị Thanh L số tiền 1.650.000.000đ (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu). Đến ngày 10/7/2021 sẽ trả. Trường hợp bất khả kháng ngân hàng đang xử lý tài sản đang thế chấp. Thì ông bà là người thụ hưởng thứ hai sau ngân hàng. Vợ chồng tôi cam kết.*” có chữ ký của ông T1, bà T2 và theo bà T2 xác định bà viết giấy này là sau khi ông T1 mang giấy mượn tiền do vợ chồng bà L viết sẵn về nhà thì bà T2 mới viết lại nên không có căn cứ xác định ngay tại thời điểm bà T2 viết giấy mượn tiền này là do bị gia đình bà L đe dọa, ép buộc bà T2 viết không

đúng ý chí của bà T2 và ông T1. Ngoài ra, bị đơn bà T2 còn cung cấp 01 tờ ủy nhiệm chi vào ngày 03/5/2021 thể hiện “*chuyển số tiền 35.000.000 đồng nội dung Mười chuyển khoản chi Ty*” cùng 07 tờ giấy in tin nhắn giữa người tên Ty và tên Mười, theo bà T2 trình bày người tên Ty là bà Hồ Thị Thanh L còn người tên Mười là bà Nguyễn Thị T2 nhưng qua nội dung giấy chuyển tiền nói trên không thể hiện rõ nội dung chuyển tiền là khoản tiền gì và qua nội dung các tờ tin nhắn cũng không thể hiện việc bà T2 trả cho bà L khoản tiền nào liên quan đến 02 khoản tiền vay ngày 01/3/2021 và ngày 10/3/2021 hay việc trả lãi của tháng 4/2021 và tháng 5/2021 như bà T2 trình bày. Bị đơn cho rằng trong số tiền 1.650.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/6/2021 thì tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và 150.000.000 đồng là tiền lãi của tháng 6 và tháng 7/2021 theo mức lãi suất 5%/ tháng nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên trình bày của bị đơn là không có cơ sở để xem xét. Do đó có căn cứ xác định số tiền ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 vay của bà Hồ Thị Thanh L theo giấy mượn tiền ngày 12/6/2021 là 1.650.000.000 (*một tỷ sáu trăm năm mươi triệu*) đồng. Ngày 26/7/2021, vợ chồng ông T1, bà T2 đã chuyển qua tài khoản trả cho bà L số tiền 300.000.000 (*ba trăm triệu*) đồng nên nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn ông T1, bà T2 trả số tiền nợ gốc còn lại là 1.350.000.000 (*một tỷ ba trăm năm mươi triệu*) đồng là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bị đơn vợ chồng ông T1 và bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc còn lại là 1.350.000.000 (*một tỷ ba trăm năm mươi triệu*) đồng.

[3] Các nội dung cam kết khác trong giấy mượn tiền nói trên, nguyên đơn, bị đơn đều không tranh chấp nên không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn ông T1, bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh L về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2.

Buộc bị đơn ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Hồ Thị Thanh L số tiền nợ gốc còn lại là 1.350.000.000 (*một tỷ ba trăm năm mươi triệu*) đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/6/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Bị đơn ông Hồ Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 52.500.000 (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh L số tiền 26.050.000 (hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0001091 ngày 08 tháng 10 năm 2021 và số 0001838 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên